

Wisdom of children 4-10 ages in Binh Dinh province and some related factors

Nguyen Thi Ha¹, Nguyen Thi Tuong Loan^{2,*}

¹Institute of Educational Sciences, Quy Nhon University, Vietnam

²Department of Elementary & Preschool Education, Quy Nhon University, Vietnam

Received: 15/05/2023; Revised: 26/06/2023; Accepted: 14/07/2023; Published: 28/08/2023

ABSTRACT

The article aims to provide scientific data on the color Raven test scores. On that basis, it determines the IQ and intelligence levels of 7,154 children aged 4-10 years old in three geographical area of provinces, namely urban, rural and mountainous areas. The results of the study showed that the color Raven test score of children gradually increased from 4 to 10 years old at 14.6 points; 15.9 points; 17.5 points; 21.5 points; 24.5 points; 26.2 points and 29.2 points, respectively. The average increase is 2.4 points per year. The highest increase in children from 6 to 7 years old, reaching 4 points. Children aged 4-10 years old in Binh Dinh Province have an intellectually level distributed from excellent level (level II) to below average (level VI), and there are no children with very excellent or stupid intelligence. Children's wisdom is influenced by many factors such as the number of children in the family, the order of children in the family, the father's education and the family's economy.

Keywords: *Children's wisdom, children's intellectual capacity, intelligence of children 4-10 years old, Binh Dinh children's wisdom.*

**Corresponding author:*

Email: loantuong2000@gmail.com

Trí tuệ của trẻ em 4-10 tuổi trên địa bàn tỉnh Bình Định và một số yếu tố liên quan

Nguyễn Thị Hà¹, Nguyễn Thị Tường Loan^{2,*}

¹Viện Khoa học Giáo dục, Trường Đại học Quy Nhơn, Việt Nam

²Khoa Giáo dục tiểu học & Mầm non, Trường Đại học Quy Nhơn, Việt Nam

Ngày nhận bài: 15/05/2023; Ngày sửa bài: 26/06/2023; Ngày nhận đăng: 14/07/2023;

Ngày xuất bản: 28/08/2023

TÓM TẮT

Mục tiêu bài báo nhằm cung cấp số liệu khoa học về điểm test Raven màu, trên cơ sở đó xác định chỉ số thông minh (IQ) và các mức trí tuệ của 7.154 trẻ em từ 4-10 tuổi thuộc ba khu vực địa lý của tỉnh là thành thị, nông thôn và miền núi. Kết quả nghiên cứu cho thấy, điểm test Raven màu của trẻ tăng dần và lần lượt từ 4 đến 10 tuổi là 14,6 điểm; 15,9 điểm; 17,5 điểm; 21,5 điểm; 24,5 điểm; 26,2 điểm và 29,2 điểm. Mức tăng trung bình là 2,4 điểm/năm. Mức tăng cao nhất lúc trẻ từ 6 lên 7 tuổi, đạt 4 điểm. Trẻ em từ 4-10 tuổi của tỉnh Bình Định có mức trí tuệ phân bố từ mức xuất sắc (mức II) đến mức kém (mức VI) và không có trẻ có mức trí tuệ rất xuất sắc hoặc ngu dốt. Trí tuệ của trẻ có liên quan với một số yếu tố như số con trong gia đình, con thứ, học vấn của cha và kinh tế của gia đình.

Từ khóa: Trí tuệ trẻ em, năng lực trí tuệ trẻ, trí thông minh trẻ 4 - 10 tuổi, trí tuệ trẻ Bình Định.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

“Những trẻ em có trí tuệ phát triển tốt hơn thường có khả năng học tập tốt hơn, có sự phát triển xã hội tốt hơn và có khả năng thích nghi tốt hơn với các tình huống mới.”¹ Trí tuệ là một khái niệm đa chiều, bao gồm nhiều khía cạnh như khả năng tư duy, giải quyết vấn đề, học hỏi, nhận thức và tương tác xã hội. Trẻ em trong độ tuổi 4-10 đang trong giai đoạn phát triển nhanh chóng, vì vậy nghiên cứu về trí tuệ của trẻ ở giai đoạn này giúp hiểu rõ hơn khả năng tư duy và học hỏi của trẻ, từ đó có thể thiết kế các hoạt động giáo dục phù hợp nhằm góp phần giúp trẻ phát triển toàn diện. Trí thông minh là một khía cạnh trong sự phát triển trí tuệ của trẻ em nói chung và con người nói riêng. Nghiên cứu trí thông minh và xác định các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển trí thông

minh của trẻ là góp phần tìm hiểu trí tuệ, từ đó có thể đưa ra các giải pháp phù hợp để tối ưu hóa khả năng phát triển trí tuệ của trẻ. Sự phát triển trí tuệ của trẻ 4-10 tuổi phụ thuộc vào nhiều yếu tố, bao gồm cả môi trường và các yếu tố di truyền.²⁻⁴ Việc nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển trí thông minh của trẻ sẽ giúp các bậc phụ huynh, giáo viên và nhà nghiên cứu tạo những điều kiện và giáo dục tốt nhất cho trẻ trong giai đoạn này.

Xuất phát từ cơ sở trên, nghiên cứu “Trí thông minh của trẻ em 4-10 tuổi trên địa bàn tỉnh Bình Định và một số yếu tố liên quan” là cần thiết để có cơ sở đề xuất một số biện pháp phù hợp góp phần nâng cao năng lực trí tuệ cho trẻ em Bình Định nói riêng và trẻ em lứa tuổi 4-10 tuổi nói chung.

*Tác giả liên hệ chính.

Email: loantuong2000@gmail.com

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng và thời gian nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu gồm 7.154 trẻ từ 4-10 tuổi có sức khỏe thể chất và tinh thần bình thường của 18 trường mầm non, mẫu giáo và tiểu học của tỉnh Bình Định.

Chọn mẫu theo nhiều giai đoạn thuộc các trường đại diện cho ba khu vực địa lý của tỉnh. Căn cứ vào số trẻ em từ 4 - 10 tuổi ở các khu vực, chọn mẫu tầng theo tỷ lệ, tính được cỡ mẫu tối thiểu cho mỗi tầng^{5,6} (khu vực thành thị, nông thôn và miền núi) lần lượt là 3.234, 2.422 và 1.498. Theo cách chọn mẫu ngẫu nhiên đơn đã chọn các địa điểm đại diện cho ba khu vực địa lý là:

+ Thành phố Quy Nhơn (đại diện khu vực thành thị): Có 2 trường tiểu học và 6 trường mầm non bán công và trường mẫu giáo của thành phố được chọn.

+ Huyện Phù Mỹ (đại diện khu vực nông thôn): chọn 3 trường tiểu học và 3 trường mẫu giáo, mầm non của huyện.

+ Huyện Vĩnh Thạnh (đại diện khu vực miền núi): chọn 2 trường tiểu học và 2 trường mầm non của huyện.

Thời gian nghiên cứu: Từ tháng 9/2022 đến tháng 12/2022.

2.2. Phương pháp chọn mẫu và cỡ mẫu

Cỡ mẫu được chọn theo mẫu cỡ lớn được áp dụng trong các điều tra cơ bản về Y sinh học ở người:^{4,5}

$$n_1 = Z_{1-\alpha/2}^2 \frac{p(1-p)}{d^2} DE \quad \text{Trong đó:}$$

+ n_1 là cỡ mẫu nghiên cứu nhỏ nhất cần đạt được cho mỗi độ tuổi;

+ p là tỷ lệ học sinh có tình trạng dinh dưỡng bất thường⁴, chọn $p = 11,3\%$

+ d là sai số tuyệt đối, chọn $d = 0,05$;

+ $Z_{1-\alpha/2}$ là hệ số tin cậy ứng với 95% độ tin cậy = 1,96;

+ $DE = 2$ là hệ số thiết kế mẫu;

Thay vào công thức ta có: $n_1 = 308$.

Có 7 lớp tuổi và 3 khu vực nghiên cứu nên cỡ mẫu cần là $N = n_1 \times 7 \times 3 = 308 \times 7 \times 3 = 6.468$. Dự kiến bỏ cuộc 10% nên cỡ mẫu cuối cùng là:

$$N = 6.468 + (6.468 \times 10)/100 = 7.115 \text{ học sinh.}$$

Tuy nhiên ở nghiên cứu này đã sàng lọc được 7.154 mẫu nên đảm bảo đủ số mẫu tin cậy.

Phương pháp xử lý số liệu: Các số liệu thu thập được xử lý theo 2 bước là sàng lọc các số liệu hợp lý sau đó xử lý trên máy tính bằng phần mềm Microsoft Excel và SPSS.

Phương pháp thu thập số liệu

Sử dụng test khuôn hình tiếp diễn Raven màu dành cho trẻ em dưới 11 tuổi. Test Raven màu gồm 3 bộ A, AB, B với 36 khuôn hình có cấu trúc theo nguyên tắc phức tạp dần từ khuôn hình 1 đến khuôn hình 12 của mỗi bộ và từ bộ A đến bộ B. Test Raven được thiết kế theo kiểu phi ngôn ngữ để giảm thiểu những tác động về sự khác biệt ngôn ngữ.^{7,8}

Mỗi học sinh được phát 1 quyển test Raven và 1 phiếu trả lời. Học sinh làm bài trắc nghiệm một cách độc lập sau khi đã được hướng dẫn với thời gian khoảng 20 - 25 phút.

Đối với trẻ mầm non, người nghiên cứu giải thích trẻ hiểu cách thực hiện test, sau đó trẻ trả lời và người nghiên cứu ghi giúp trẻ kết quả vào phiếu trả lời trắc nghiệm.

Chấm điểm từng bài theo khóa điểm của test Raven màu (1947). Mỗi bài đúng 1 điểm, điểm tối đa là 36. Sau đó cộng điểm của tất cả các bộ A, AB, B. Tổng số điểm ghi vào cột tổng số. Đối chiếu với chuẩn kỳ vọng của từng bộ A, AB, B và tính hiệu số giữa điểm thực và điểm kỳ vọng. Nếu các hiệu số này dao động trong khoảng ± 2 và tổng số giá trị tuyệt đối của các hiệu số ở tất cả các bộ phải ≤ 6 thì cho phép sử dụng kết quả đó, còn nếu không thỏa mãn một trong hai điều kiện trên thì kết quả bị loại bỏ.^{7,8}

Sau khi xử lý thô để loại trừ những trường hợp không hợp lệ, đổi điểm test Raven sang điểm IQ theo công thức sau:

$$IQ = \frac{X_i - \bar{X}}{SD} 15 + 100$$

Trong đó: X_i : điểm Test Raven, $\bar{X}$: trị số trung bình cộng, SD: độ lệch chuẩn của toàn quần thể nghiên cứu. Trên cơ sở chỉ số IQ, đánh giá mức độ phát triển trí tuệ của trẻ theo Bảng 1.

Bảng 1. Phân loại chỉ số thông minh theo D. Wechsler.^{6,10}

Mức trí tuệ	Chỉ số IQ	Loại trí tuệ
I	> 130	Rất xuất sắc
II	120 - 129	Xuất sắc
III	110 - 119	Thông minh
IV	90 - 109	Trung bình
V	80 - 89	Tầm thường
VI	70 - 79	Kém
VII	< 70	Ngu đần

Đối với các yếu tố liên quan, dùng phương pháp điều tra bằng anket để thu thập thông tin từ phụ huynh của trẻ.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

3.1. Điểm test Raven màu của trẻ 4-10 tuổi theo độ tuổi và giới tính

Bảng 2 cho thấy điểm test Raven màu trung bình của trẻ tăng dần theo độ tuổi. Lúc 4 tuổi trẻ có điểm test trung bình là 14,6 nhưng đến 10 tuổi đã đạt 29 điểm, trung bình mỗi năm tăng 2,4 điểm. Mức tăng cao nhất đạt 4,0 điểm ở độ tuổi 6 lên 7, điều này cho thấy trẻ phát triển nhanh ở độ tuổi này. Sự khác biệt về điểm test Raven màu giữa hai giới không có ý nghĩa thống kê.

Bảng 2. Điểm test Raven màu của trẻ 4-10 tuổi theo tuổi và giới tính.

Tuổi	Điểm test Raven màu						Giá trị p
	Chung (n = 7154)		Nam (n ₁ = 3618)		Nữ (n ₂ = 3536)		
	SL	$\bar{X}$ (SD)	SL	$\bar{X}$ (SD)	SL	$\bar{X}$ (SD)	
4	871	14,6(6,2)	444	14,5(5,9)	427	14,7(6,5)	0,737
5	955	15,9(5,8)	472	15,7(5,7)	483	16,1(5,8)	0,306
6	998	17,5(7,5)	502	17,2(7,4)	496	17,8(7,5)	0,187
7	1063	21,5(7,1)	519	21,2(7,2)	544	21,8(7,0)	0,154
8	1006	24,6(7,0)	503	24,7(6,9)	503	24,5(7,1)	0,633
9	1057	26,2(6,9)	547	26,3(7,0)	510	26,1(6,7)	0,779
10	1204	29,0(5,4)	631	28,9(5,4)	573	29,1(5,4)	0,575

3.2. Điểm test Raven màu của trẻ 4-10 tuổi theo khu vực nghiên cứu

Kết quả điểm test Raven màu của trẻ ở ba khu

vực nghiên cứu được trình bày ở Bảng 3 cho thấy, ở mỗi khu vực điểm test của trẻ có xu hướng tăng dần.

Bảng 3. Điểm test Raven của trẻ 4-10 tuổi theo khu vực nghiên cứu.

Tuổi	Điểm test Raven								
	Thành thị (1)		Nông thôn (2)		Miền núi (3)		Giá trị p		
	SL	$\bar{X}$ (SD)	SL	$\bar{X}$ (SD)	SL	$\bar{X}$ (SD)	1-2	1-3	2-3
	Nam = 3.618								
	SL = 1.660		SL = 1.216		SL = 742				
4	191	14,1 (4,0)	155	14,6 (5,6)	98	15,3 (8,6)	0,698	0,250	0,668
5	165	14,8 (4,6)	200	16,3 (5,4)	107	15,9 (7,3)	0,031	0,283	0,792
6	224	17,8 (8,1)	175	16,9 (6,8)	103	16,4 (6,9)	< 0,001	0,45	< 0,001

7	260	21,7 (7,3)	170	20,0 (7,6)	89	22,1 (5,5)	0,032	0,894	0,053
8	253	26,2 (6,7)	153	23,1 (7,2)	97	23,1 (5,6)	< 0,001	< 0,001	> 0,999
9	269	26,3 (7,1)	167	26,1 (7,9)	111	26,3 (4,9)	0,933	0,996	0,978
10	298	29,6 (4,9)	196	28,9 (5,7)	137	27,3 (5,9)	0,403	< 0,001	0,015
	Nữ = 3.536								
	SL = 1.574		SL = 1.206		SL = 756				
4	188	14,5 (3,8)	157	13,7 (6,1)	82	17,1 (10,2)	0,481	0,006	< 0,001
5	168	14,6 (4,6)	186	17,0 (5,3)	129	16,6 (7,3)	< 0,001	< 0,001	0,789
6	215	18,1 (7,2)	168	18,1 (7,9)	113	16,9 (7,6)	< 0,001	0,376	< 0,001
7	257	22,6 (7,1)	181	20,7 (7,4)	106	21,7 (6,1)	0,015	0,449	0,527
8	232	25,6 (6,9)	164	24,4 (7,6)	107	22,2 (6,3)	0,261	< 0,001	0,032
9	254	26,5 (6,8)	150	26,0 (7,3)	106	25,4 (5,6)	0,779	0,361	0,767
10	260	29,3 (4,8)	200	29,0 (5,7)	113	28,6 (5,9)	0,739	0,483	0,866
	Tổng = 7.154								
	SL = 3.234		SL = 2.422		SL = 1.498				
4	379	14,3 (3,9)	312	14,1 (5,9)	180	16,1 (9,4)	0,950	0,003	0,002
5	333	14,7 (4,6)	386	16,7 (5,4)	236	16,3 (7,3)	< 0,001	0,003	0,694
6	439	17,9 (7,7)	343	17,5 (7,4)	216	16,6 (7,3)	< 0,001	0,099	< 0,001
7	517	22,2 (7,2)	351	20,3 (7,6)	195	21,9 (5,8)	0,001	0,864	0,043
8	485	25,9 (6,8)	317	23,8 (7,5)	204	22,7 (6,0)	< 0,001	< 0,001	0,147
9	523	26,4 (6,9)	317	26,0 (7,6)	217	25,8 (5,3)	0,752	0,579	0,941
10	558	29,5 (4,8)	396	28,9 (5,7)	250	27,9 (5,9)	0,313	< 0,001	0,038

Trẻ em có độ tuổi từ 4 đến 10 ở vùng thành thị có điểm test cao nhất so với trẻ cùng độ tuổi của hai khu vực còn lại. Điểm test của trẻ lúc 4 tuổi là 14,3 và đến 10 tuổi là 29,5 điểm; trung bình mỗi năm tăng 2,53 điểm.

Trẻ khu vực nông thôn lúc 4 tuổi có điểm test Raven màu là 14,1 và lúc 10 tuổi 28,9 điểm, trung bình mỗi năm tăng 2,47 điểm. Trẻ 5 tuổi ở vùng nông thôn có điểm test cao nhất trong 3 khu vực (16,7 điểm).

Trẻ 4 tuổi ở vùng miền núi có điểm test cao nhất trong ba khu vực là 16,1 nhưng đến 10 tuổi chỉ đạt 27,9 điểm, trung bình mỗi năm tăng 1,97 điểm.

Nhìn chung điểm test Raven màu của trẻ ở ba khu vực đều tăng dần theo tuổi, mức tăng

trung bình hàng năm nhiều nhất là trẻ ở khu vực thành thị (2,53 điểm), tiếp đến là khu vực nông thôn (2,47 điểm) và thấp nhất là khu vực miền núi (1,97 điểm). Trẻ từ 6-10 tuổi ở thành thị có mức trí tuệ tốt nhất, sau đó đến nông thôn và sau cùng là miền núi, điều này cho thấy sự ảnh hưởng của yếu tố môi trường sống đến sự phát triển trí tuệ ở trẻ, còn ở trẻ 4-5 tuổi có sự khác giữa ba khu vực nhưng các giá trị này hầu như không có ý nghĩa thống kê.

Trên cơ sở điểm test Raven màu, chúng tôi tính điểm IQ của trẻ và phân loại bảy mức trí tuệ theo D. Wechsler được trình bày ở Bảng 4.

3.3. Các mức trí tuệ của trẻ theo tuổi và giới tính

Bảng 4. Các mức trí tuệ của trẻ 4-10 tuổi theo tuổi và giới tính.

Tuổi	Giới	SL	% Mức độ trí tuệ						
			I	II	III	IV	V	VI	VII
4	Nam	444	0,00	0,23	3,60	32,21	36,49	27,48	0,00
	Nữ	427	0,00	0,23	7,03	25,53	39,58	27,63	0,00
	Chung	871	0,00	0,23	5,28	28,93	38,00	27,55	0,00
5	Nam	472	0,00	0,42	2,33	42,37	22,36	21,61	0,00
	Nữ	483	0,00	0,21	3,93	40,37	37,06	18,43	0,00
	Chung	955	0,00	0,31	3,14	41,36	35,18	20,00	0,00
6	Nam	502	0,00	2,19	11,16	31,87	37,85	16,93	0,00
	Nữ	496	0,00	3,23	9,68	37,70	33,27	16,13	0,00
	Chung	998	0,00	2,71	10,42	34,77	35,57	16,53	0,00
7	Nam	519	0,00	4,62	16,76	50,29	18,88	9,44	0,00
	Nữ	544	0,00	3,31	18,20	56,25	12,50	9,74	0,00
	Chung	1063	0,00	3,95	17,50	53,34	15,62	9,60	0,00
8	Nam	503	0,00	10,74	29,82	45,53	9,34	4,57	0,00
	Nữ	503	0,00	10,93	27,83	44,73	10,93	5,57	0,00
	Chung	1006	0,00	10,83	28,83	45,13	10,14	5,07	0,00
9	Nam	547	0,00	15,17	42,96	30,16	7,13	4,57	0,00
	Nữ	510	0,00	13,73	38,63	36,27	7,84	3,53	0,00
	Chung	1057	0,00	14,47	40,87	33,11	7,47	4,07	0,00
10	Nam	631	0,00	28,21	40,89	27,10	3,01	0,79	0,00
	Nữ	573	0,00	31,06	38,57	26,18	3,32	0,87	0,00
	Chung	1204	0,00	29,57	39,78	26,66	3,16	0,83	0,00
Chung 4-10 tuổi	Nam	3618	0,00	9,76	22,47	36,73	19,68	11,36	0,00
	Nữ	3536	0,00	9,59	21,32	38,38	19,65	11,06	0,00
	Chung	7154	0,00	9,67	21,90	37,55	19,67	11,21	0,00

Kết quả Bảng 4 cho thấy, ở tất cả các độ tuổi đều không có trẻ thuộc mức trí tuệ loại I (rất xuất sắc) và VII (ngu đần).

Trẻ 4 và 6 tuổi có mức trí tuệ loại V (tầm thường) chiếm tỷ lệ cao nhất (lần lượt là 38% và 35,57%) trong tất cả các mức trí tuệ.

Trẻ 5, 7 và 8 tuổi có mức trí tuệ loại IV (mức trung bình) chiếm tỷ lệ cao nhất trong bảy mức trí tuệ.

Trẻ 9 và 10 tuổi có mức trí tuệ loại III (thông minh) chiếm tỷ lệ cao nhất.

Mức trí tuệ loại II (xuất sắc) chiếm tỷ lệ cao nhất ở trẻ 10 tuổi và thấp nhất ở trẻ 4 tuổi.

Nếu xét chung thì trẻ em 4-10 tuổi của tỉnh Bình Định có mức trí tuệ loại II chiếm 9,67%, loại III chiếm 21,90%, loại IV chiếm 37,55%, loại V chiếm 19,67%, loại VI chiếm 11,21%. Nhìn chung các mức trí tuệ dưới trung bình chiếm tỷ lệ thấp.

Theo giới tính thì sự phân bố các mức trí tuệ của nam và nữ không có sự khác biệt nhiều. Vậy yếu tố giới tính không ảnh hưởng nhiều đến năng lực trí tuệ của trẻ em.

Nhìn chung tư duy của trẻ tăng dần theo độ tuổi, trẻ ngày càng thông minh điều này phù hợp với quy luật phát triển vì trẻ càng lớn các noron hoàn thiện hơn giúp cho não bộ phát triển

đầy đủ nên khả năng hoạt động thần kinh cấp cao tăng dần qua các độ tuổi, điều này giúp trẻ thích nghi với hoạt động học tập và sinh hoạt ngày càng phức tạp dần.^{11,12}

Bảng 5. Mức trí tuệ của trẻ 4-10 theo số con trong gia đình.

Mức trí tuệ		I	II	III	IV	V	VI	VII	Tổng
Số con									
1	n		165	336	541	301	187		1530
	%		10,78	21,96	35,36	19,67	12,22		100
2	n		412	940	1618	823	447		4240
	%		9,72	22,17	38,16	19,41	10,54		100
3	n		99	243	429	222	136		1129
	%		8,77	21,52	38,00	19,66	12,05		100
≥ 4	n		16	48	98	61	32		255
	%		6,27	18,82	38,43	23,92	12,55		100
Tổng	n		692	1567	2686	1407	802		7154
	%		9,67	21,90	37,55	19,67	11,21		100

Như phần trên đã nghiên cứu cho thấy mức trí tuệ của trẻ phân bố từ mức II đến mức VI, không có trẻ ở mức I và VII. Kết quả Bảng 5 thể hiện:

Con có mức trí tuệ loại II chiếm tỷ lệ cao nhất là 10,78% ở gia đình chỉ có 1 con.

Con có mức trí tuệ loại III chiếm tỷ lệ cao nhất là 22,17% ở gia đình có 2 con.

Con có mức trí tuệ loại IV, V và VI chiếm tỷ lệ cao nhất ở gia đình ≥ 4 con.

Vậy gia đình có từ 1-2 con thì các con có mức trí tuệ loại xuất sắc và thông minh chiếm tỷ lệ cao hơn. Gia đình đông con (trên 3 con), các con có mức trí tuệ từ trung bình trở xuống chiếm tỷ lệ cao hơn, điều này có thể giải thích dễ dàng là khi gia đình ít con, các con có nhiều thuận lợi hơn trong cuộc sống như dinh dưỡng, sinh hoạt, sự chăm sóc, dạy dỗ của cha mẹ nên trí thông minh phát triển tốt hơn các trẻ ở gia đình đông con. Do đó, cần tiếp tục tuyên truyền kế hoạch hóa gia đình, khuyến khích các gia đình trẻ xây dựng gia đình quy mô nhỏ, góp phần nâng cao sự phát triển thể chất và trí thông minh, trí tuệ cho trẻ em.

3.4. Mức trí tuệ của trẻ theo số con trong gia đình trẻ

Bảng 5 cho thấy mối liên quan giữa các mức trí tuệ của trẻ và số con trong gia đình.

3.5. Mức trí tuệ của trẻ theo thứ tự con trong gia đình trẻ

Kết quả Bảng 6 cho thấy trẻ em có mức trí tuệ loại trung bình chiếm nhiều nhất.

Trẻ có mức trí tuệ loại II và III chiếm tỷ lệ cao nhất khi trẻ là con thứ nhất trong gia đình, lần lượt là 10,30% và 23,30%.

Trẻ có mức trí tuệ loại IV chiếm tỷ lệ cao nhất khi trẻ là con thứ hai trong gia đình (chiếm 39,22%).

Trẻ có mức trí tuệ loại V, VI có tỷ lệ cao rơi vào trường hợp trẻ là con thứ 3 trở lên trong gia đình.

Nhìn chung, mức trí tuệ loại trung bình trở lên (II, III và IV) ở trẻ là con đầu chiếm 60,26%; ở trẻ là con thứ 2 là 69,32%; ở trẻ là con thứ 3 chiếm 64,62% và khi trẻ là con thứ 4 trở lên chiếm 56,38%. Điều này cho thấy con thứ 2 có mức trí tuệ tốt chiếm đa số hơn các trường hợp còn lại, có lẽ do khi sinh con thứ 2 cơ thể người mẹ đã hoàn thiện hơn, cha mẹ đã có kinh nghiệm và điều kiện hơn trong việc chăm sóc, giáo dục con. Hơn nữa trẻ là con thứ thường có ý thức thi đua với anh chị nên có động lực phấn đấu hơn trẻ

con đầu. Khi trẻ là các con thứ 3, 4 trở lên đồng nghĩa với gia đình có đông con, vậy nên các con không có các điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng như gia đình 1, 2 con. Điều này càng khẳng định

cho vấn đề lợi ích của việc sinh đẻ có kế hoạch theo yêu cầu hiện nay của nước ta là mỗi gia đình nên sinh đủ 2 con vì nước ta đang có xu hướng dân số già.

Bảng 6. Mức trí tuệ của trẻ 4-10 tuổi theo thứ tự con trong gia đình.

Mức trí tuệ Con thứ		I	II	III	IV	V	VI	VII	Tổng
1	n		373	844	1328	702	375		3622
	%		10,30	23,30	36,66	19,38	10,35		100
2	n		265	567	1084	533	315		2764
	%		9,59	20,51	39,22	19,28	11,40		100
3	n		45	130	225	132	87		619
	%		7,27	21,00	36,35	21,32	14,05		100
4	n		9	26	49	40	25		149
	%		6,04	17,45	32,89	26,85	16,78		100
Tổng	n		692	1567	2686	1407	802		7154
	%		9,67	21,90	37,55	19,67	11,21		100

3.6. Mức trí tuệ của trẻ theo học vấn của cha

Trình độ học vấn của cha đã ảnh hưởng đến các mức trí tuệ của con được thể hiện qua Bảng 7.

Kết quả nghiên cứu cho thấy:

Con có mức trí tuệ loại II, III rơi vào trường hợp cha có trình độ học vấn trên cấp 3 (đại học hoặc sau đại học) chiếm tỷ lệ nhiều nhất (lần lượt là 10,70% và 23,01%) trong tất cả các trường hợp còn lại, con có mức trí tuệ loại IV chiếm tỷ lệ cao thứ hai (37,95%) so với các trường hợp còn lại.

Con có mức trí tuệ loại IV, V, VI rơi vào trường hợp cha có trình độ học vấn dưới cấp 3 chiếm tỷ lệ nhiều nhất là 38,44%; trường hợp cha có trình độ học vấn cấp 3 và trên cấp 3 lần lượt 22,82% và 13,94%.

Vậy trình độ học vấn của cha đã ảnh hưởng đến trí tuệ của trẻ vì khi cha có học vấn tốt sẽ biết cách giáo dục con, giúp đỡ con trong vui chơi, học tập để tạo thuận lợi cho sự phát triển tư duy của trẻ tốt hơn.^{2,7,12}

Bảng 7. Mức trí tuệ của trẻ 4-10 tuổi theo học vấn của cha.

Mức trí tuệ Học vấn cha		I	II	III	IV	V	VI	VII	Tổng
Dưới cấp 3	n		210	495	893	423	302		2323
	%		9,04	21,31	38,44	18,21	13,00		100
Cấp 3	n		111	274	477	311	190		1363
	%		8,14	20,10	35,00	22,82	13,94		100
Trên cấp 3	n		371	798	1316	673	310		3468
	%		10,70	23,01	37,95	19,41	8,94		100
Tổng	n		692	1567	2686	1407	802		7154
	%		9,67	21,9	37,55	19,67	11,21		100

3.7. Mức trí tuệ của trẻ theo nghề nghiệp của cha

Nghề nghiệp của cha đã ảnh hưởng đến sự phát triển trí tuệ của trẻ qua Bảng 8. Kết quả nghiên cứu cho thấy:

Mức trí tuệ loại II, III, IV chiếm tỷ lệ cao

Bảng 8. Mức trí tuệ của trẻ 4-10 tuổi theo nghề nghiệp cha.

Mức trí tuệ Nghề cha		I	II	III	IV	V	VI	VII	Tổng
Công chức	n		201	402	660	288	141		1692
	%		11,88	23,76	39,01	17,02	8,33		100
Nông dân	n		201	471	836	419	305		2232
	%		9,01	21,1	37,46	18,77	13,66		100
Công nhân, thợ thủ công	n		109	259	463	274	152		1257
	%		8,67	20,06	36,83	21,80	12,09		100
Buôn bán nhỏ	n		50	136	201	156	57		600
	%		8,33	22,67	33,50	26,00	9,50		100
Nội trợ Thất nghiệp	n		7	16	25	15	8		71
	%		9,86	22,54	35,21	21,13	11,27		100
Ngành nghề khác	n		124	283	501	255	139		1302
	%		9,52	21,74	38,48	19,59	10,68		100
Tổng	n		692	1567	2686	1407	802		7154
	%		9,67	21,90	37,55	19,67	11,21		100

Qua đây cho thấy nghề nghiệp cha đã ảnh hưởng trí tuệ con vì có mối liên hệ giữa học vấn và nghề nghiệp. Khi cha có học vấn tốt sẽ thuận lợi trong sự phát triển nghề nghiệp, điều đó đã phần nào ảnh hưởng đến năng lực trí tuệ của con, điều này phù hợp với kết quả nghiên cứu của một số tác giả trước đây cho rằng thông minh cũng chịu ảnh hưởng của yếu tố di truyền mặc dù tỷ lệ thấp. Ngoài ra, khi cha là công chức sẽ có thời gian, thu nhập, trình độ... tốt hơn các ngành nghề khác nên cũng thuận lợi trong việc giáo dục con hơn.²

4. KẾT LUẬN

Điểm test Raven màu của trẻ tăng dần từ 4 đến 10 tuổi, lần lượt là 14,6 điểm; 15,9 điểm; 17,5 điểm;

nhất lần lượt là 11,88%; 23,76%; 39,01% khi cha là công chức nhà nước.

Mức trí tuệ loại V chiếm tỷ lệ cao nhất là 26% khi cha làm nghề buôn bán nhỏ và mức trí tuệ của trẻ thuộc loại VI chiếm tỷ lệ cao nhất (13,66%) khi cha là nông dân.

21,5 điểm; 24,5 điểm; 26,2 điểm và 29,2 điểm. Mức tăng trung bình là 2,4 điểm/năm. Mức tăng cao nhất lúc trẻ từ 6 lên 7 tuổi là đạt 4,0 điểm. Điểm test Raven màu của trẻ em từ 4 -10 tuổi ở khu vực thành thị có mức tăng cao nhất, khu vực miền núi có mức tăng thấp nhất.

Trẻ em 4-10 tuổi tại tỉnh Bình Định có mức trí tuệ phân bố từ mức II đến mức VI, không có trẻ thuộc mức trí tuệ loại I và VII. Mức trí tuệ loại IV (trung bình) chiếm đa số ở các độ tuổi. Trẻ 9, 10 tuổi có mức trí tuệ loại II (xuất sắc) và III (thông minh) chiếm tỷ lệ cao nhất. Trong ba khu vực nghiên cứu, trẻ em vùng thành thị có mức trí tuệ tốt hơn khu vực nông thôn và miền núi.

Chỉ số IQ của trẻ có mối liên quan với một số yếu tố di truyền và môi trường sống. Gia đình ít con, cha có trình độ học vấn cao, nghề nghiệp ổn định thì con của họ sẽ có mức trí tuệ tốt (mức II, III) chiếm tỷ lệ cao hơn.

5. KHUYẾN NGHỊ

Cần tiếp tục tuyên truyền thực hiện kế hoạch hóa gia đình, góp phần phát triển xã hội, phát triển giống nòi.

Nên khuyến khích hướng nghiên cứu này ở nhiều địa bàn của cả nước và đi sâu hơn về các yếu tố ảnh hưởng và yếu tố tác động đến sự phát triển trí thông minh, trí tuệ của trẻ em.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. N. E. Braveman. *Intelligence matters: The role of intelligence in learning and other life Goals*, PubMed, 2018.
2. T. T. Nam. Yếu tố di truyền và môi trường ảnh hưởng đến năng lực trí tuệ của trẻ, *Tạp chí Y học Việt Nam*, **2018**, 133, 73-75.
3. L. M. Hà. *Nghiên cứu mức độ phát triển trí tuệ và thể lực của trẻ mẫu giáo 5 – 6 tuổi*, Luận án Tiến sĩ Khoa học Tâm lý học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, 2002.
4. T. Đ. Thoan, Đ. V. Nghiễm và P. N. Khái. Nhận xét về tình trạng dinh dưỡng ở trẻ em tiểu học huyện Tiền Hải, Thái Bình qua một số chỉ số nhân trắc, *Tạp chí Y học Thực hành*, **2013**, 5(869), 155-157.
5. N. T.T. Loan. Sự phát triển thể lực và trí lực của học sinh lứa tuổi tiểu học tại thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Quy Nhơn*, **2017**, 11(3), 113-121.
6. N. T. T. Loan. Phương pháp đánh giá sự phát triển thể lực và trí tuệ của học sinh tiểu học trong giai đoạn hiện nay, *Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Quốc gia “Đào tạo bồi dưỡng giáo viên tiểu học đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục”*, Nxb Đại học Huế, 2016, 164-171.
7. N. T. T. Loan. *Nghiên cứu một số đặc điểm sinh học của học sinh tiểu học tại tỉnh Bình Định*, Luận án Tiến sĩ Sinh học, Trường Đại học Khoa học – Đại học Huế, 2018.
8. N. T. T. Loan, L. T. N. Thuận. Nghiên cứu năng lực trí tuệ của học sinh lứa tuổi tiểu học tại tỉnh Bình Định, *Tạp chí Khoa học Đại học Huế: Khoa học Tự nhiên*, **2017**, 126(1A), 175–184.
9. H. Hà. *IQ kiểm tra chỉ số thông minh*, Nxb Dân Trí, Công ty Văn hóa Đông Tây, 2017.
10. T. Kiều. *Trí tuệ và đo lường trí tuệ*, Nxb Chính trị Quốc gia, 2005.
11. N. T. Nụ. Phát triển năng lực trí tuệ của người Việt Nam trong hội nhập quốc tế, *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*, **2016**, 3(100), 37-43.
12. N. T. T. Thúy. Tình hình phát triển trí tuệ của trẻ em mầm non tại Hà Nội, *Tạp chí Nghiên cứu Trẻ em*, **2019**, 4, 59-67.